

Số: 11 /NQ-HĐND

Tuy Phước, ngày 05 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư
công trung hạn giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 về tăng cường kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 24/5/2022, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/7/2022, Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17/12/2022, Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 03/4/2023, Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19/7/2023, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 12/10/2023, Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê duyệt bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Kết luận số 469-KL/HU ngày 20/06/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc bổ sung danh mục, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 20 tháng 06 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 17/BC-BKTXH ngày 21 tháng 06 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn bổ sung trung hạn 2021-2025: 197.201 triệu đồng, trong đó: ngân sách TW, tỉnh: 31.090 triệu đồng, ngân sách huyện: 166.111 triệu đồng, cụ thể:

- Tổng danh mục đầu tư phát triển mới bổ sung vào danh mục, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là: 19 công trình với tổng kế hoạch vốn bổ sung: 177.201 triệu đồng.

- Tổng danh mục điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn: 05 danh mục công trình, với tổng kế hoạch vốn bổ sung: 20.000 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Tuy Phước khóa XII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua. /.

Nơi nhận :

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp;
- TT HU (b/c);
- TTHĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN, các hội, đoàn thể huyện;
- Các Ban HĐND, đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban huyện;
- TTHĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TC-KH (116).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng



Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGUỒN VỐN VÀ DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của HĐND huyện Tuy Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại QĐ 7016	Kế hoạch vốn bổ sung trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Kế hoạch vốn ngân sách huyện trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Trong đó		Ghi chú
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện	
TỔNG CỘNG				12.000	197.201	31.090	166.111	209.201	31.090	178.111	
1	Trận địa súng máy phòng không 12,7mm tại núi Kỳ Sơn xã Phước Thuận và xã Phước Nghĩa của BCH QS huyện Tuy Phước; Hàng mục: bồi thường giải phóng mặt bằng	C	P.Nghĩa, P.Thuận	0	460		460	460	-	460	
2	Nâng cấp, mở rộng Nhà ăn của BCH Quân sự huyện	C	Phước Thuận	0	500		500	500	-	500	
3	Trường Mầm non Tuy Phước	C	TT Tuy Phước	0	45.000	20.000	25.000	45.000	20.000	25.000	
4	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Hòa	C	Phước Hòa	0	5.000	1.750	3.250	5.000	1.750	3.250	
5	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Thuận	C	Phước Thuận	0	4.500	1.750	2.750	4.500	1.750	2.750	
6	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Nghĩa	C	Phước Nghĩa	0	5.500	1.750	3.750	5.500	1.750	3.750	
7	Trụ sở làm việc Công an xã Phước An	C	Phước An	0	6.500	1.750	4.750	6.500	1.750	4.750	
8	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Lộc	C	Phước Lộc	0	5.000	1.750	3.250	5.000	1.750	3.250	
9	Hệ thống cấp nước sinh hoạt và Phòng cháy chữa cháy khu dân cư Chợ Quán Mới	C	Phước Lộc	0	1.000		1.000	1.000	-	1.000	
10	Chỉnh trang, nâng cấp khu trung tâm xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	C	Phước Lộc	0	40.000		40.000	40.000	-	40.000	
11	Chợ trung tâm xã Phước An và XD hạ tầng KDC xung quanh chợ	C	Phước An	0	10.000		10.000	10.000	-	10.000	
12	XD CSHT KDC trung tâm xã Phước Hiệp	C	Phước Hiệp	0	10.000		10.000	10.000	-	10.000	
13	Lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước sạch trên địa bàn thôn Giang Bắc, xã Phước Hiệp	C	Phước Hiệp	0	1.211		1.211	1.211	-	1.211	
14	Đầu nối đường ống cấp nước sạch Senco Quy Nhơn đến Thôn Diêm Vân, xã Phước Thuận.	C	Phước Thuận	0	1.000		1.000	1.000	-	1.000	
15	Khắc phục, sửa chữa các hư hỏng trên tuyến đường ĐH42, đoạn qua địa bàn xã Phước Nghĩa	C	Phước Nghĩa	0	840		840	840	-	840	

Quill
ad

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại QĐ 7016	Kế hoạch vốn bổ sung trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Kế hoạch vốn ngân sách huyện trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Trong đó		Ghi chú
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện	
16	Lắp đặt biển hiệu thông báo khu vực kinh doanh, sơ đồ chỉ dẫn phân khu và kho, khu vực bảo quản thực phẩm của chợ Diêu Trì	C	TT Diêu Trì	0	500		500	500	-	500	
17	Mô hình thí điểm "Mô hình du lịch gắn với sản xuất nông nghiệp tại Làng hoa Bình Lâm, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định"	C	Phước Hòa	0	12.490	2.340	10.150	12.490	2.340	10.150	QĐ số 3529/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 phê duyệt mô hình
18	Hỗ trợ công trình xã, thị trấn xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, đô thị văn minh		các xã, tt	0	25.000		25.000	25.000	-	25.000	
19	Hỗ trợ các xã thị trấn thực hiện các công trình phòng chống thiên tai			0	2.700		2700	2.700	-	2.700	Nguồn dự phòng chi
+	Gia cố đê sông đoạn bờ Bắc hạ lưu cầu sông Tranh, thôn Giang Nam, xã Phước Hiệp		Phước Hiệp		980		980	980	-	980	
+	Sửa chữa đê bờ Bắc hạ lưu Đập Cát, thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa		Phước Hòa		870		870	870	-	870	
+	Gia cố đoạn bờ đê phía bắc cầu làng thôn Hưng Nghĩa, xã Phước Nghĩa		Phước Nghĩa		850		850	850	-	850	
20	Trường mầm non Phước Hưng(2T8P)	C	Phước Hưng	1.000	5.000		5.000	6.000	-	6.000	bổ sung quy mô so với QĐ 7016 : 02T4P
21	Trường THCS Trần Bá (3T,12P)	C	TT Diêu Trì	5.000	2.000		2.000	7.000	-	7.000	bổ sung quy mô so với QĐ 7016 : 8P
22	Trường Tiểu học số 1 Phước Hòa (3T,12P)	C	Phước Hòa	3.900	3.100		3.100	7.000	-	7.000	bổ sung quy mô so với QĐ 7016: 02T6P
23	Trường TH số 2 Phước Quang (3T,12P)	C	Phước Quang	1.600	5.400		5.400	7.000	-	7.000	bổ sung quy mô so với QĐ 7016: 2T6P
24	Trường TH số 2 Phước An (02T8P)	C	Phước An	500	4.500		4.500	5.000	-	5.000	bổ sung quy mô so với QĐ 7016: 6P

